

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 31/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn số 01/2024/QĐ-TA ngày 23/5/2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/ QĐXXST-HS ngày 26/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Tiến C; Sinh ngày 25/10/1982, tại Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn T, sinh năm: 1957; Con bà: Đoàn Thị H, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 và có 01 con sinh năm 2003; Tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2024 đến ngày 27/4/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn H1; Sinh ngày: 14/02/1994, tại Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Nguyễn Minh Q, sinh năm 1961; Con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Hà Thị H2, sinh năm 1999; có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 30/01/2018, bị Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, với

mức tiền phạt: 2.000.000 đồng; ngày 30/01/2018 bị cáo đã nộp tiền phạt do đó đến ngày 01/02/2019 được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2024 đến ngày 27/4/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Văn Đ; Sinh ngày 17/11/1990, tại Kon Tum; Nơi cư trú: Tổ D, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Trần Văn T2 (đã chết); Con bà: Bùi Thị Ngọc H3, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là Văn Thị T3, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2024 đến ngày 27/4/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. Đào Văn T4; Sinh ngày: 22/10/1996, tại Đăk Lăk; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Đào Văn M (đã chết); Con bà: Trương Thị T5, sinh năm 1974; Bị cáo có vợ là Phạm Ngọc Á, sinh năm 1998; có 01 con sinh năm 2022; Tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính; Bị tạm giữ từ ngày 26/4/2024 đến ngày 27/4/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: Nguyễn Văn H4; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 21/10/1995, tại Đăk Lăk; Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Nguyễn Văn H5 (đã chết); Con bà: Ngô Thị C1, sinh năm 1958; Tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/5/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 30/11/2017, được Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2024 đến ngày 27/4/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Bùi Huỳnh Đ1;

+ Bà Nguyễn Thị T1;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Sỹ M1; Thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 25/4/2024, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Đào Văn T4 và Nguyễn Văn H4 đến nhà Bùi Huỳnh Đ1 (giao cho Bùi Tiến C quản lý) tại thôn T, xã C, huyện E chơi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, thấy ở kệ tivi nhà C có 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, thì Đ, T4, H1 và H4 rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền. Sau đó cả nhóm hỏi xin C đánh bạc ở nhà và hứa trong quá trình đánh bạc sẽ đóng tiền xâu thì C đồng ý. C lấy 02 bộ bài tú lơ khơ dẫn Huyền, Đ, T4 và H4 đi vào phòng ngủ thứ 3, lấy chiếu nhựa trải xuống phòng để đánh bạc. Sau khi chuẩn bị xong dụng cụ đánh bạc thì H1, Đ, T4 và H4 ngồi xuống chiếu đánh bạc, còn C không tham gia mà ngồi ngoài xem và thu tiền xâu. Cả nhóm thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh bài phỏm thắng thua bằng tiền, mỗi ván đánh bạc thắng thua như sau: Người về nhất sẽ thắng tiền của 03 người còn lại, người về nhì phải trả cho người về nhất số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), người về ba phải trả cho người về nhất số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), người về cuối phải trả cho người về nhất số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), người có bài cháy (không có phỏm) phải trả cho người về nhất số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); người có bài ù sẽ thắng tiền những người chơi còn lại mỗi người số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và người có bài ù sẽ đóng 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) tiền xâu cho C, khi thu được tiền xâu thì C cất tiền vào túi quần của mình. Ngoài ra, trước mỗi ván bài cả nhóm còn sử dụng một bộ bài thứ hai để bốc cây bài cá, trong ván bài đó người có nhiều cây bài cá hơn thì sẽ thắng những người còn lại số tiền 50.000đ/1 cây bài cá. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Đào Văn T4, Nguyễn Văn H4 đang đánh bạc thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu trên chiếu bạc số tiền là 10.250.000 đồng, thu trên người Bùi Tiến C số tiền 500.000 đồng là số tiền xâu C thu được trong quá trình các đối tượng trên đánh bạc cùng các vật chứng liên quan đến hành vi đánh bạc.

Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.750.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);
- 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ 52 cây; 01 Chiếu nhựa kích thước 1,6m x 1,8m.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 31/QĐ-VKS ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố các bị cáo Bùi Tiến C, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Đào Văn T4, Nguyễn Văn H4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 21 giờ ngày 25/4/2024, các bị cáo Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Đào Văn T4, Nguyễn Văn H4 có hành vi đánh bạc bằng hình thức bài phỏm được thua bằng tiền tại nhà Bùi Huỳnh Đ1 (giao cho Bùi Tiến C quản lý) ở thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Khi tham gia

đánh bạc H1 sử dụng số tiền 250.000đồng; Đ sử dụng số tiền 3.200.000đồng; T4 sử dụng số tiền 2.750.000đồng; H4 sử dụng số tiền 4.550.000đồng. Đối với Bùi Tiến C không trực tiếp đánh bạc nhưng bị cáo cho các bị cáo sử dụng địa điểm, phương tiện để các bị cáo đánh bạc, đồng thời bị cáo C trực tiếp thu tiền xâu. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện E phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền thu trên chiếu bạc là 10.250.000 đồng và thu trên người của Bùi Tiến C tiền xâu là 500.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 10.750.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Bùi Tiến C, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Đào Văn T4, Nguyễn Văn H4 về tội “Đánh bạc” và Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, của Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Bùi Tiến C, Nguyễn Văn H1; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H4, Trần Văn Đ, Đào Văn T4.

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4, Trần Văn Đ, Đào Văn T4 từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- + Xử phạt bị cáo Bùi Tiến C, Nguyễn Văn H1 từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

* Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- + Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.750.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- + Tịch thu tiêu huỷ: 01 chiếc chiếu nhựa kích thước 1,6x1,8m và 02 bộ bài tu lơ khơ mỗi bộ có 52 cây bài.

- + Đối với căn phòng xây cấp 4 nơi các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là tài sản hợp pháp của anh Bùi Huỳnh Đ1 giao cho bị cáo Bùi Tiến C quản lý. Khi các bị cáo sử dụng địa căn phòng để đánh bạc anh Đ1 không ở nhà nên không biết nên không đề cập xử lý.

Các bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không bị khiếu nại, tố cáo về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, những người tham gia tố tụng khác. Như vậy có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào khoảng 21 giờ ngày 25/4/2024, các bị cáo Bùi Tiến C, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Đào Văn T4, Nguyễn Văn H4 vì mục đích tư lợi cá nhân nên có hành vi đánh bạc bằng hình thức bài phỏm được thua bằng tiền tại nhà anh Bùi Tiến C thuộc thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 10.750.000 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố các bị cáo về tội đánh bạc tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng pháp luật nghiêm cấm việc đánh bạc trái phép, việc đánh bạc với mục đích được thua bằng tiền hoặc hiện vật dưới mọi hình thức, mọi hành vi vi phạm đều bị trừng trị. Hành vi đánh bạc còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi nên các bị cáo cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài phỏm được thua bằng tiền. Nên cần áp dụng mức hình phạt cho tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn vì các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội như không lên kế hoạch, không phân công vai trò của từng bị cáo, cách thức phạm tội. HĐXX cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để xem xét tính chất, mức độ và lượng hình cho tương xứng với hành vi mà từng bị cáo gây ra.

Trong số các bị cáo tham gia đánh bạc thì bị cáo H4 là người sử dụng số tiền để đánh bạc nhiều nhất là 4.550.000 đồng nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo H4 cao hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo Đ sử dụng 3.200.000 đồng, bị cáo T4 sử dụng 2.750.000 đồng và bị cáo H1 sử dụng 250.000 đồng ít nhất so với các bị cáo khác. Do đó cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Đ và bị cáo T4 cao hơn bị cáo H1 và thấp hơn so với bị cáo H4. Đối với Bùi Tiến C mặc dù không trực tiếp tham gia đánh

bạc nhưng bị cáo trực tiếp cho sử dụng địa điểm mà bị cáo được giao quản lý và chuẩn bị công cụ để các bị cáo đánh bạc, đồng thời bị cáo C trực tiếp thu tiền xâu là 500.000 đồng, vì vậy bị cáo đồng phạm về tội đánh bạc với vai trò giúp sức nên cần áp dụng cho bị cáo mức hình phạt cao hơn bị cáo H1.

[5] Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội là bột phát, tức thời. Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra bị cáo Bùi Tiến C có mẹ ruột là người tham gia hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế và có cha ruột được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, là người có công với cách mạng. Bị cáo H1 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ mà mỗi bị cáo được hưởng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước đối với người phạm tội.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn H4, Trần Văn Đ, Đào Văn T4 Phạm tội ít nghiêm trọng, đều chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó xét đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát về mức hình phạt và biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn H1, Bùi Tiến C đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng hình phạt cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và ngăn ngừa chung cho xã hội là phù hợp, cần chấp nhận.

[6] Về khẩu trừ thu nhập: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn H1 và Bùi Tiến C đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 10.750.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với phòng xây cấp 4 nơi các bị cáo làm địa điểm thực hiện hành vi đánh bạc; đây là tài sản hợp pháp của anh Bùi Huỳnh Đ1, bị cáo Bùi Tiến C là người được giao quản lý. Việc bị cáo C cho các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc anh Đ1 không biết nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 (một) chiếc nhựa kích thước 1,6x 1,8m và 02 bộ bài tu lơ khơ mỗi bộ có 52 lá là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Tiến C, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Đào Văn T4, Nguyễn Văn H4 phạm tội: “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 9 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 8 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Đào Văn T4 8 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Giao bị cáo Nguyễn Văn H4 cho UBND xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và giao bị cáo Đào Văn T4 cho UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/4/2024 đến ngày 27/4/2024 là 02 ngày (bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành là 11 (mười một) tháng 24 (hai bốn) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K nhận được quyết định thi hành án hình sự.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Tiến C 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/4/2024 đến ngày 27/4/2024 là 02 ngày (bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành là 13 (mười ba) tháng 24 (hai bốn) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện E nhận được quyết định thi hành án hình sự.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và giao bị cáo Bùi Tiến C cho UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong một tuần.

2. Các biện pháp tư pháp: : Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) chiếc nhựa kích thước 1,6m x 1,8m; 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 lá (có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng tài sản ngày 28/5/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E và Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 10.750.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Bùi Tiến C, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Đào Văn T4, Nguyễn Văn H4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc Kt1- TANDTC
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- T.H.A.H.S CA huyện E;
- CQ CSĐT CA huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;

(Đã ký)

Hoàng Long

- Bị cáo, đương sự; Lưu Hồ sơ.